TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v : " Tranh chấp về hợp đồng tặng cho tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Minh và ông Mai Tuấn
-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan rang - Tháp chàm.
***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Phan rang - Tháp chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST – DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1942
Địa chỉ: Số Tự Đức, phường Bảo An, thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, Ninh Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1963
Địa chỉ: Số đường 21/8, phường Bảo An, thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, Ninh Thuận (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2019), (có mặt).

-*Bị đơn*: Bà Lê Thị Phương H, sinh năm 1972
Địa chỉ: Số đường 21/8, phường Bảo An, TP. Phan Rang -Tháp Chàm, Ninh Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1977 (theo giấy ủy quyền ngày 18/11/2019), (có mặt).
Địa chỉ: phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1982, luật sư Công ty luật Bách Dương thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1/. Văn phòng công chứng An K (vắng mặt)
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị V - Trưởng phòng
Địa chỉ trụ sở: Số 164 đường 21 tháng 8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

2/. Uỷ ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2A đường 21/8, phường Mỹ Hương, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Ph - Chủ tịch.

3/. Ông Nguyễn Tự D, sinh năm 1985(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là ông Lê Văn H trình bày: Ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2 , diện tích sàn 213,6m^2 trên diện tích đất 108,1 m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm là tài sản chung của vợ chồng bà. Năm 2000 chồng bà là ông Lê Văn L (sinh năm 1938) chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L có lập văn bản thỏa thuận thống nhất nhường toàn bộ di sản của ông để lại cho một mình bà là Nguyễn Thị Ph. Từ đó, UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ph theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 398979 cấp ngày 15/8/2007; Năm 2010 vợ chồng con gái, con rể bà là Lê Thị Phương H, Dương Văn Tr hỏi mượn bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng làm ăn, bà vì thương con nên mới cho mượn để vợ chồng H vay vốn ngân hàng làm ăn và vợ chồng H chở bà ra Văn phòng công chứng An Khang để ký giấy tờ. Tr đây bà cũng cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho các con vay vốn (Công ty Hoàn Cầu – Lê Văn H1, Dương Văn Tr). Bà xác nhận ông Tr, bà H có chở bà ra Văn phòng Công chứng An Khang ký giấy tờ thế chấp vay vốn nhưng thực tế ký giấy tờ gì thì bà không biết, bản thân bà không biết chữ, chỉ ký được tên do con cháu bày ghi và ký theo thói quen chứ bà không biết đọc, biết viết được, bà bị bệnh nặng tai nghe không rõ đã từ lâu nhưng khi ra Văn phòng công chứng bà cố gắng để ý nhưng không nghe gì hết, không ai nói gì, đọc gì với bà mà chỉ có ký tên và ấn dấu lăn tay. Năm 2017, vợ chồng Tr, H làm ăn thua lỗ thì bà sợ Ngân hàng phát mãi nhà đất của bà để thu nợ vay của vợ chồng H nên bà có nói H trả tiền lấy sổ đỏ về cho bà nhưng không nghe nói gì. Đến năm 2018 thì vợ chồng H bán Công ty Hoàn Cầu có tiền, bà có nói vợ chồng H trả tiền Ngân hàng đem sổ đỏ về cho bà thì nghe nói là đã sang tên tặng cho cho H. Lúc đó con trai bà là Lê Văn H1 nói xuống Văn phòng đăng ký đất đai xin phô tô hồ sơ căn nhà đất đó thì mới biết nhà đất đã sang tên cho H. Việc có hợp đồng tặng cho là do vợ chồng H lừa dối bà, bà chỉ cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn chứ không tặng cho.Vợ chồng bà chỉ có 01 căn nhà duy nhất, trong đó thờ cúng ông bà, cha mẹ, chồng con, người thân trong gia đình và bà có đến 04 người con, có con trai, con gái, H không phải là người thừa kế duy nhất của bà, vì vậy bà không thể nào là tặng cho nhà đất cho một mình H.

Từ trước đến giờ bà vẫn là người đang quản lý và sử dụng căn nhà chứ không

phải là Lê Thị Phương H. Bà đề nghị hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015282 cấp ngày 27/8/2013 cho Lê Thị Phương H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung: Năm 2015 bà Ph cho thuê mặt bằng ½ diện tích tầng trệt cho bà Nguyễn Thị Bích L, hiện nay thời hạn thuê vẫn còn nhưng bà L đã trả lại mặt bằng từ mấy tháng nay, còn ½ diện tích mặt bằng tầng trệt còn lại thì bà Phức cho ông Nguyễn Tự D thuê vào tháng 11/2017 đến tháng 11/2020 hết hạn, việc cho ông D thuê thì ông D trả tiền thuê cho bà Ph, còn việc làm hợp đồng thuê thì bà Ph không biết bà H làm, do bà H tự làm thủ tục với ông D, bà Ph không tranh chấp với ông D về hợp đồng thuê mặt bằng, diện tích (4,5 x 8)m. Toàn bộ hồ sơ đăng ký thế chấp, xóa thế chấp chữ ký bà Nguyễn Thị Ph đều là giả mạo do vợ chồng H làm giả, tuy nhiên ông không yêu cầu giám định chữ ký. Ông đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 015282 cấp ngày 27/8/2013 cho Lê Thị Phương H.

Tại bản tự khai bị đơn bà Lê Thị Phương H trình bày: Giữa bà và mẹ bà là Nguyễn Thị Ph không mâu thuẫn, hết sức hòa thuận. Toàn bộ thủ tục ký kết hợp đồng tặng cho tài sản số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK ngày 14/8/2013 lập tại văn phòng công chứng An Khang đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và bà đã hoàn tất thủ tục sang tên tại cơ quan có thẩm quyền, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015283 ngày 27/8/2013 mang tên Lê Thị Phương H. Việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa mẹ bà và bà được tất cả các thành viên trong gia đình gồm mẹ bà, bà (Hà), hai anh trai Lê Văn H1 và Lê Ngọc A cùng chị gái Lê Thị Phương Th đều biết rõ và không có ý kiến gì. Thậm chí việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và mẹ bà cũng được bà con lối phố biết rất rõ, họ sẵn sàng đứng ra làm chứng cho việc này, bà có thể mời họ tham gia quá trình giải quyết sự việc tại tòa. Khi ký hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà và mẹ bà không có bất cứ thỏa thuận nào về các điều kiện được tặng cho nên mẹ bà trình bày trong đơn là không đúng sự thật. Sau khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà vẫn để cho mẹ bà sinh sống tại căn nhà trên thửa đất đó, do đó bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

Bị đơn bà Lê Thị Phương H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa mà chỉ gửi văn bản yêu cầu Tòa án không tổ chức hòa giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử mới có tác dụng giúp gia đình bà có điều kiện chấm dứt các tranh chấp.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng An Khang trình bày: Ngày 14/8/2013 bà Nguyễn Thị Ph có yêu cầu Văn phòng công chứng An Khang chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị Ph và bên được tặng cho là bà Lê Thị Phương H, con ruột bà Ph. Căn cứ các tài liệu nêu trên thì bà Ph có đủ điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chồng bà Ph chết trước khi bà Ph

được cấp giấy chứng nhận ngày 12/8/2013, tại thời điểm này nhà và đất không tranh chấp. Vì vậy văn phòng công chứng An Khang chứng nhận hợp đồng tặng cho là đúng trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý theo quy định của pháp luật.

Tại công văn số 24/CV CCAK ngày 14/10/2019 Văn phòng công chứng cung cấp "Khi soạn thảo hợp đồng hai bên đã đọc lại và nghe công chứng viên đọc lại và giải thích cho hai bên về hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng. Bà Ph đã nghe và tự nguyện ký vào hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng bà Ph đủ năng lực hành vi dân sự, khỏe mạnh, không bị nặng tai, công chứng viên hỏi bà Ph trả lời bình thường nên đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng. Ngoài việc công chứng hợp đồng tặng cho ngày 14/8/2013 tại văn phòng công chứng An Khang thì bà Ph không thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp tài sản đối với nhà, đất thuộc thửa đất nêu trên tại văn phòng công chứng An Khang".

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tự D trình bày: Vào ngày 01/11/2017 ông có làm hợp đồng thuê nhà và đất của bà Nguyễn Thị Ph số 18 Tự Đức, phường Bảo an, thành phố Phan rang – Tháp chàm thời hạn là 5 năm. Nay nhà bà Ph xảy ra tranh chấp nhà, đất ông đang thuê và ông không có ý kiến gì. Hiện do công việc bận rộn nên ông đề nghị vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin vắng mặt trong phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm phát biểu ý kiến: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: nguyên đơn, văn phòng công chứng An Khang đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tống đạt hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng có người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đơn kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy bà Ph không biết chữ, không đọc và viết được thì cần phải có người làm chứng khi thực hiện công chứng, việc lập hợp đồng tặng cho không có người làm chứng là chưa đảm bảo tính khách quan, chưa xác định rõ ý chí của bà Ph nên bị vô hiệu. Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H dựa trên cơ sở hợp đồng vô hiệu. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

- Sự vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm vẫn vắng mặt không có lý do. Văn phòng công chứng An K và ông Nguyễn Tự D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu với quy định pháp luật thì vụ án có quan hệ tranh chấp " Hợp đồng tặng cho tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo khoản 3 điều 26, điều 34 Bộ luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết: đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bảo An, vụ án có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản tranh chấp của các bên hiện nay bà Lê Thị Phương H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp cho bà H dựa trên cơ sở hợp đồng tặng cho tài sản. Tại điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "khi giải quyết các vụ việc dân sự, mà trong vụ việc đó có quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trái pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và nội dung của quyết định đó liên quan đến vụ việc Tòa án giải quyết thì Tòa án phải hủy quyết định đó để khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự".

Theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 106 của Luật đất đai và điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/4/2014 của Chính Phủ thì việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 điều 105 Luật đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt, cơ quan tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà hợp đồng vô hiệu nhưng người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thì văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên và môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến

động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, vụ án được Tòa án thành phố Phan rang – Tháp chàm giải quyết là đúng thẩm quyền quy định khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35; điểm a, c khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và không vi phạm khoản 4 điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 điều 32 luật Tố tụng Hành chính, phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 64/ TANDTC – PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và xác nhận của các bên đương sự thì tài sản tranh chấp là ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2, diện tích sàn 213,6m^2 trên diện tích đất 108,1 m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK ngày 14/8/2013 lập tại Văn phòng công chứng An K, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015283 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp ngày 27/8/2013 cho bà Lê Thị Phương H.

Nguồn gốc nhà và đất thuộc sở hữu chung của bà Phức và ông Lê Văn L (sinh năm 1938) chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm bà Ph và 04 người con là Lê Văn H1, Lê Ngọc A, Lê Thị Phương Th, Lê Thị Phương H có lập văn bản thỏa thuận thống nhất phân chia di sản thừa kế, cả bốn người con đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện nhượng phần thừa kế di sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Ph toàn quyền thừa kế và định đoạt theo văn bản thỏa thuận ngày 22/3/2007, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Bảo An. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 398979 cấp ngày 15/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Ph; hiện nay bà Ph vẫn còn sống và từ lúc nhường kỷ phần di sản thừa kế đến nay các bên không có tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt văn bản tố tụng nhưng những người con đều không đến Tòa, do đó tại phiên xử Tòa án không đưa những người con là ông Lê Văn H1, bà Lê Thị Phương Th, ông Lê Ngọc A tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nhà đất sau khi lập hợp đồng tặng cho đã được sang tên cho bà Lê Thị Phương H, bà H và chồng là ông Dương Văn Tr xác nhận sau khi đứng tên nhà đất trên bà chưa thỏa thuận nhập vào tài sản chung vợ chồng. Tại đơn ngày 14/10/2019 ông Tr cho rằng " ông không đứng tên sử dụng thửa đất, đến nay thửa đất vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng riêng của vợ tôi". Do đó, Tòa án không đưa ông Dương Văn Tr tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị Ph và bà Lê Thị Phương H được ký kết ngày 14/8/2013, thời điểm này Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực thi hành, hợp đồng cũng được thực hiện xong trước thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực vì vậy cần áp dụng quy định tại điểm c điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 để đánh giá tính hợp pháp của hợp đồng tặng

cho quyền sử dụng đất theo quy định tại Bộ luật Dân sự 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK lập tại Văn phòng công chứng An K ngày 14/8/2013 giữa bà Nguyễn Thị Ph và bà Lê Thị Phương H có nội dung: "Bên A (Nguyễn Thị Ph) đồng ý tặng cho bên B (Lê Thị Phương H) phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 015063 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp ngày 12/8/2013 nêu trên, bên B được quyền sở hữu đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Về hình thức: Tại điều 467 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về tặng cho bất động sản "tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của công chứng hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền". Hợp đồng tuy được công chứng, nhưng bà Ph cho rằng bà Ph là người không biết đọc, biết viết. Tại văn bản trả lời số 24/CV – CCAK ngày 14/10/2019 của Văn phòng công chứng An K cũng không xác định được bà Ph có biết chữ hay không, bị đơn bà H cũng không đưa ra chứng cứ để phản đối. Mặt khác, quá trình thu thập chứng cứ tại các văn bản hợp đồng, giấy tờ thế chấp được công chứng, chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhưng bà Ph đều chỉ ghi được 1 chữ ký hiệu tên Ph mà không ghi được đầy đủ họ và tên, đồng thời tại hợp đồng thuê nhà được lập ngày 14/4/2018 giữa bà Ph và bà Nguyễn Thị Bích L, người lập đã ghi sai tên người bên cho thuê là Nguyễn Thị P nhưng bà Ph vẫn ký hiệu tên Ph vào bên cho thuê, điều này có cơ sở xác định bà Ph là người không biết đọc, biết viết. Tại điều 9 Luật công chứng năm 2006 quy định " Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được... thì việc công chứng phải có người làm chứng. Người làm chứng phải là người đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng. Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời hoặc do công chứng viên chỉ định nếu người yêu cầu công chứng không mời được người làm chứng". Văn phòng công chứng An Khang không chỉ định người làm chứng khi bà Ph, bà H lập hợp đồng tặng cho là vi phạm quy định của Luật công chứng, bà Ph không biết chữ, không đọc được nhưng khi xác lập hợp đồng và yêu cầu công chứng mà không có người làm chứng là trái với điều 9 Luật công chứng. Hợp đồng có vi phạm về hình thức, không tuân thủ trình tự, thủ tục công chứng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph, dẫn đến không xác định được ý chí của bên tặng cho có tự nguyện hay không.

Về nội dung: Theo quy định tại khoản 1 điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì " Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp", phía bị đơn bà H cho rằng bà Ph đã tặng cho nhà đất và hợp đồng tặng cho không có điều kiện nhưng ngoài nộp văn bản ý kiến và hợp đồng tặng cho bản photo thì không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, không có mặt kể cả khi Tòa án mời làm việc và mời có mặt tại phiên công khai chứng cứ. Vì vậy,

Tòa án căn cứ vào chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Ph cho rằng chỉ cho bà H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng nhiều lần để làm ăn trong lúc khó khăn, bà H cho rằng bà Ph đã tặng cho nhưng không chứng minh được ý chí của bà Ph là tặng cho tài sản. Xét ngày 14/8/2013 bà Ph mới ký vào Hợp đồng tặng cho tài sản số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK tại văn phòng công chứng An K nhưng ngày 12/8/2013 bà H cùng chồng là ông Dương Văn Tr đã làm giấy giải chấp tài sản gửi Ngân hàng Đầu tư và phát triển Ninh Thuận (nay là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển, chi nhánh Ninh Thuận) với nội dung " Công ty Tr được bảo lãnh bằng tài sản để đảm bảo dư nợ vay tại Ngân hàng trong đó có tài sản căn nhà 18 Tự Đức do bà Ph làm chủ sở hữu. Hiện nay hồ sơ pháp lý tài sản chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chứng nhận quyền sở hữu công trình trên đất, chủ sở hữu tài sản là bà Ph có nhu cầu thực hiện việc chứng nhận quyền sở hữu công trình… và sau đó có nhu cầu thực hiện việc tặng cho này cho con ruột là Lê Thị Phương H", giấy xin giải chấp tài sản là nhà đất và đề cập đến việc tặng cho tài sản nhưng bên tặng cho chữ ký hiệu tên Ph không giống với các chữ ký hiệu tên Ph được chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Ph không thừa nhận, bà H cũng không yêu cầu giám định chữ ký hiệu tên Ph trong văn bản giấy tờ này và khi cho xem qua giấy tờ xin giải chấp tài sản có nội dung nêu trên đại diện theo ủy quyền của bà H cũng xác nhận không đúng với chữ ký của bà Ph. Đồng thời, giấy tờ về tài sản đối tượng của hợp đồng tặng cho là ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2 , diện tích sàn 213,6m^2 trên diện tích đất 108,1 m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015063 ngày 12/8/2013. Tuy nhiên, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015063 ngày 12/8/2013 thì tài sản này đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 231409 cấp ngày 18/10/2011 và đang được thế chấp vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển Ninh Thuận - phòng giao dịch Phan rang theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC ngày 05/3/2012 của Công ty TNHH Tr và được giải chấp vào ngày 13/8/2013, xóa thế chấp vào lúc 15h20 phút ngày 13/8/2013, sau ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 015063 là 01 ngày. Do đó, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BQ 015063 ngày 12/8/2013 là không đúng trình tự thủ tục luật định, không hợp pháp; cùng một thời điểm, cùng một tài sản lại tồn tại 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Ph không ủy quyền cho bà H liên hệ Ngân hàng giải chấp lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, toàn bộ thủ tục đều do bà H tự định đoạt mà không thông qua ý chí của bà Ph, chứng tỏ bà H đã có sự chuẩn bị, tính toán từ trước.

Xét lời khai của bà Ph là cho bà H mượn tài sản để thế chấp Ngân hàng vay vốn làm ăn diễn ra từ năm 2010, việc vay vốn thực hiện nhiều lần, khi ra văn phòng công chứng là để ký thế chấp vay tiền Ngân hàng chứ bà không hề có ý định tặng cho tài sản; điều này phù hợp với mốc thời gian xác lập các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng An K, Văn

phòng công chứng số 01 tại các Ngân hàng Nông nghiệp Tháp Chàm (từ 27/10/2011 đến 05/3/2012), chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển Ninh Thuận (từ 05/3/2012 đến 13/8/2013) có liên quan đến bà H và được Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Ninh Thuận xác nhận tại Công văn số 2627/CCTT.BIDVNT ngày 04/11/2019 " Tại thời điểm tháng 3/2012 bà Ph có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 13, tờ bản đồ 3-14 phường Bảo an theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 231409 do UBND thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp ngày 18/10/2011 để đảm bảo nợ vay của Công ty TNHH thương mại Tr tại BIDV Ninh Thuận". Văn phòng công chứng An k tại công văn số 10/CV – CCAK ngày 03/5/2019 cho rằng "bà Phức là người yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho", tại công văn số 24/CV – CCAK ngày 14/10/2019 xác định "bà Ph đề nghị soạn thảo hợp đồng… 2 bên đã đọc lại" là không đúng. Bởi lẽ theo hồ sơ Văn phòng công chứng cung cấp thì phiếu yêu cầu công chứng bà H là người làm, ký tên đề nghị công chứng tặng cho chứ không phải bà Ph, bà Ph không biết chữ thì việc tự đọc lại nội dung là không có căn cứ. Mặt khác, Văn phòng công chứng cho rằng ngoài việc công chứng hợp đồng tặng cho ngày 14/8/2013 thì bà Ph không thực hiện chứng thực hợp đồng thế chấp đối với thửa đất trên là không phù hợp với chứng cứ được Tòa án thu thập và xác nhận của Ngân hàng, do đó lời trình bày của Văn phòng công chứng An Kh là không phù hợp khách quan và không đúng sự thật. Bên cạnh đó, nếu tặng cho nhà ở thì thuộc sở hữu của bà H, bà H có quyền định đoạt chứ không phải hiện tại thực tế hai bên vẫn chưa hoàn thành việc giao nhận nhà đất. Mặc dù, năm 2017 tuy bà H có làm giấy đứng tên bên cho thuê nhưng là do bà Ph cho thuê và là người nhận khoản tiền cho thuê này và cho đến năm 2018 bà Ph vẫn là người đứng tên trong các hợp đồng cho thuê mặt bằng tầng trệt của căn nhà.

Bà H cho rằng bà Ph đã ký hợp đồng tặng cho và hợp đồng tặng cho này không có thỏa thuận điều kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hà cho rằng hợp đồng tặng cho là hợp pháp, việc bà Ph cho con gái tài sản nhà, đất đã được công bố với mọi người trong gia đình và ông Lê Ngọc A, bà Lê Thị Phương Th có văn bản ý kiến xác nhận việc tặng cho, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, các giấy tờ được ghi tên ông A, bà Th gửi cho Tòa án không đủ cơ sở pháp lý xác định chữ ký, chữ viết và ý chí của ông A, bà Th như nội dung. Đồng thời, diễn biến của việc xác lập, ký kết trên thực tế về văn bản hợp đồng, bà Phức cho rằng văn phòng công chứng không hỏi gì bà về nội dung giao dịch và rõ ràng văn bản hợp đồng tặng cho không ghi " đã đọc và đồng ý" thể hiện bà Ph không quan tâm, không hiểu rõ nội dung ghi trong hợp đồng mà tin tưởng theo lời bà H là hợp đồng thế chấp như giữa các bên đã thỏa thuận, nên đã ký hợp đồng không đúng với mục đích giao dịch cũng như nội dung giao dịch và diễn biến của thực hiện hợp đồng đã ký không phù hợp với bản chất tặng cho tài sản, sự lừa dối này đã làm cho giao dịch bị vô hiệu do không tuân thủ nguyên tắc thiện chí, trung thực, và trái với các quy định tại điều 6, 11, 122, 132, 389, 465, 467 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do giao dịch dân sự vô hiệu nên hậu quả của giao dịch vô hiệu sẽ được giải quyết theo quy định tại điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, " không làm phát sinh, thay

đổi, chấm dứt quyền , nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận". Vì vậy, bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Ph ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2 đất, diện tích sàn 213,6m^2 trên diện tích đất 108,1 m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; do giấy tờ nhà, đất hiện nay đã sang tên cho bà H và bà H hiện đang giữ nên buộc bà H phải trả bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho bà Ph. Tuy nhiên, ½ tầng trệt căn nhà có diện tích 36m^2 bà Phức cho cho ông Nguyễn Tự D thuê mặt bằng kinh doanh, giấy tờ ghi tên bà H với thời hạn 3 năm đến 20/10/2020 mới kết thúc thời hạn, hiện ông D là người đang sử dụng diện tích ½ gian tầng trệt. Giữa ông D và bà Ph không tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng và trong quá trình Tòa án giải quyết, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 015283 ngày 27/8/2013 được Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm cấp cho bà Lê Thị Phương H đối với nhà đất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An,thành phố Phan Rang – Tháp Chàm: Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà H trên cơ sở hợp đồng tặng cho số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK ngày 14/8/2013. Vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bị vô hiệu nên vận dụng công văn số 64/TANDTC – PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết, không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà H như đã phân tích về mặt thẩm quyền. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tự điều chỉnh; Sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận căn cứ vào các quy định của luật đất đai năm 2013 có trách nhiệm căn cứ vào bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Ph là người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất phù hợp theo quyết định của Tòa án.

Tổng hợp những phân tích trên, xét quan điểm của Viện kiểm sát, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp điều 127, 132, 465, 467 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 điều 26, điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bà Ph không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả 300.000^đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018404 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Chi phí định giá và trích đo bản đồ: Số tiền 1.500.000^đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)*, đại diện theo ủy quyền của bà Ph tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 127, 132, 137, 389, 410, 465, 467 Bộ luật Dân sự 2005;điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; điều 100, 166, 167 Luật đất đai 2013; điều 5, điều 6, khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 34, điểm a, c khoản 1 điều 39, điều 91, điều 92, điều 147, điều 157, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Công văn số 64/TANDTC – PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 điều 26, điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph đối với bị đơn bà Lê Thị Phương H về việc tranh chấp " Hợp đồng tặng cho tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

Tuyên bố: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị Ph và bà Lê Thị Phương H được Văn phòng công chứng An K công chứng số 14/HĐTCQSDĐ, TSGL – VPCCAK ngày 14/8/2013 vô hiệu.

Buộc bà Lê Thị Phương H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2, diện tích sàn 213,6m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), trên diện tích đất 108,1m^2, tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BQ 015283 ngày 27/8/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan rang - Tháp chàm cấp mang tên Lê Thị Phương H.

Bà Nguyễn Thị Ph được quyền sở hữu và quyền sử dụng ngôi nhà cấp 2B+ 2C, diện tích xây dựng 108,1m^2, diện tích sàn 213,6m^2 thuộc thửa số 13, tờ bản đồ địa chính số 3 - (14), trên diện tích đất 108,1m^2, tọa lạc tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm

Sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án, Bà Nguyễn Thị Ph có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào các quy định của luật đất đai năm 2013 có trách nhiệm căn cứ vào bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp giấy chứng nhận mới cho bà Nguyễn Thị Ph là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất phù hợp theo quyết định của Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá, đo đạc bà Nguyễn Thị Ph tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Về án phí: Bà Lê Thị Phương H phải chịu 300.000^đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^đ *(Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0018404 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2019); vắng mặt những người có quyền lợi liên quan, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh NT;
- VKSND Tp. PR - TC;
- CCTHADS Tp. PR - TC;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Trang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH NINH THUẬN

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM

Căn cứ vào các điều 235 và 264 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào lúc giờ phút ngày 18 tháng 01 năm 2017 tại phòng Nghị án Toà án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hưng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án về vụ án ly hôn sơ thẩm giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**:* Bà Lê Thị Kim Liên, sinh năm 1967

***Bị đơn**:* Ông Ngô Tùng Thiện, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Số 165 Yết Kiêu, khu phố 1, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thông qua để biểu quyết các vấn đề sau:

1. Về hình thức:

Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim Liên. Bà Lê Thị Kim Liên được ly hôn với ông Ngô Tùng Thiện.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí: Bà Lê Thị Kim Liên phải chịu 200.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010485 ngày 08/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Kim Liên đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3

Biên bản làm xong lúc giờ phút cùng ngày, đã thông qua biên bản nghị án cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Hưng Dũng